

Số: 902 /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 16 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới
tỉnh Bắc Kạn năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8 /2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Thông báo số 173/TB-VPCP ngày 10/5/2018 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Hội nghị toàn quốc triển khai mô hình khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu;

Căn cứ Văn bản số 394/BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trong năm 2021;

Căn cứ Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn năm 2021;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 15/TTr-VPĐP ngày 04/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn năm 2021.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

1. Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới được áp dụng đối với các thôn thuộc các xã trên địa bàn tỉnh.

2. Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới là cơ sở để chỉ đạo, đánh giá, xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2021.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí, quy trình xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021.

2. Các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của địa phương, hướng dẫn các xã, thôn tổ chức thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn năm 2021.

3. UBND các huyện, thành phố, UBND các xã có trách nhiệm triển khai thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn năm 2021, đảm bảo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016 – 2020, Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

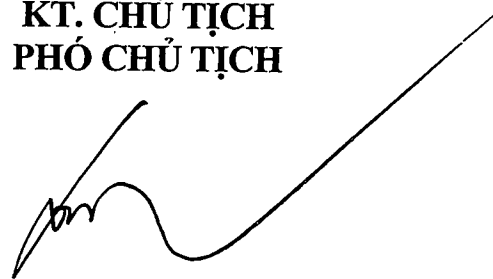
- Như Điều 4 (t/hiện);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP (Ô.Thất);

Gửi bản giấy:

- BCĐ Trung ương các Chương trình MTQG;
- VPĐP Nông thôn mới Trung ương;
- Lưu: VT, Cục.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Thị Minh Hoa

BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI TỈNH BẮC KẠN NĂM 2021*(Kèm theo Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
I	NHÓM TIÊU CHÍ VỀ TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG		
1		Có Ban phát triển thôn hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND xã công nhận	Đạt
2		Có quy ước, hương ước thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được các hộ gia đình cam kết thực hiện	Đạt
3		Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí năm 2021, được lập theo phương pháp có sự tham gia của cộng đồng và được ủy ban nhân dân xã xác nhận	Đạt
II	NHÓM TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN THÔN		
4	Giao thông	4.1. Đường trục thôn đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Trong đó được nhựa hóa, bê tông hóa đạt 70% trở lên	Đạt
		4.2. Đường ngõ, xóm sạch không lầy lội vào mùa mưa. Trong đó được cứng hóa đạt 50% trở lên	Đạt
		4.3. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Đạt
		4.4. Đường trục thôn, ngõ, xóm (tùy thuộc vào điều kiện thực tế) tổ chức trồng, chăm sóc hoa, cây cảnh hai bên đường	Đạt
		4.5. Có tổ quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng đường theo quy định	Đạt
5	Thủy lợi	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động đạt từ 85% trở lên	Đạt
6	Điện	6.1. Hệ thống điện đạt chuẩn theo quy định	Đạt
		6.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện	≥98%
		6.3. Ở các tuyến đường trục thôn, ngõ xóm nơi đông dân cư có hệ thống điện chiếu sáng tạo cảnh quan môi trường đẹp	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
7	Cơ sở vật chất văn hóa	7.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định; có công trình vệ sinh đảm bảo hợp vệ sinh	Đạt
		7.2. Có bộ máy quản lý, quy chế hoạt động hiệu quả thu hút trên 50% người dân tham gia phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao	Đạt
		7.3. Thôn có cổng chào phù hợp với văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương	Đạt
8	Nhà ở và công trình phụ trợ	8.1. Không có nhà tạm, nhà dột nát	Đạt
		8.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 80\%$
		8.3. Nhà ở, các công trình phụ trợ đảm bảo 3 sạch, thuận tiện cho sinh hoạt; đồ đạc, dụng cụ được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học	Đạt
		8.4. Hàng rào, cổng ngõ: Được thiết kế, xây dựng phù hợp với không gian từng hộ, phù hợp với văn hóa truyền thống của dân tộc	Đạt
		8.5. Vườn hộ: Diện tích đất vườn (nếu có) được quy hoạch phù hợp, trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao để tăng thu nhập, có cảnh quan môi trường đẹp	Đạt
9	Giáo dục	9.1. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp	$\geq 90\%$
		9.2. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình mầm non	$\geq 80\%$
		9.3. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1	$\geq 95\%$
		9.4. Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	$\geq 80\%$
		9.5. Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6	$\geq 98\%$
		9.6. Tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở	$\geq 80\%$
		9.7. Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 tuổi được công nhận biết chữ cấp độ 2	$\geq 90\%$
		9.8. Có chi hội khuyến học hoạt động hiệu quả	Đạt
10	Y tế	10.1. Có nhân viên y tế thôn bản được đào tạo bồi dưỡng theo quy định của Bộ Y tế và thường xuyên hoạt động	Đạt
		10.2. Tỷ lệ người dân trong thôn tham gia BHYT	$\geq 90\%$
		10.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 26,7\%$

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
11	Văn hóa	11.1. Thôn đạt thôn văn hóa tại năm đề nghị xét công nhận đạt chuẩn	Đạt
		11.2. Tỷ lệ hộ đạt gia đình văn hóa	≥90%
		11.3. Có mô hình văn hóa, thể thao hoạt động hiệu quả	Đạt
12	Mô hình sản xuất	Có mô hình liên kết sản xuất hiệu quả, gắn với vùng nguyên liệu của thôn theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng	Đạt
13	Kinh tế hộ	13.1. Thu nhập bình quân đầu người của thôn	≥36
		13.2. Tỷ lệ hộ nghèo	≤12%
		13.3. Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề có việc làm	≥25%
14	Môi trường và cảnh quan nông thôn	14.1. Đường trục thôn, ngõ, xóm đảm bảo xanh, sạch, đẹp	Đạt
		14.2. Chất thải rắn, nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý theo quy định	Đạt
		14.3. Không có tình trạng vứt rác bừa bãi nơi công cộng	Đạt
		14.4. Định kỳ hằng tháng tổ chức tổng vệ sinh chung toàn thôn	Đạt
		14.5. Công trình chăn nuôi, nhà tắm, nhà tiêu xây dựng đúng quy trình kỹ thuật; nhà tiêu, nhà tắm đảm bảo hợp vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Đạt
15	An ninh trật tự	15.1. Giữ vững an ninh, trật tự, không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội	Đạt
		15.2. Có mô hình tổ chức quần chúng tham gia vào công tác đảm bảo an ninh trật tự và hoạt động thường xuyên có hiệu quả	Đạt
16	Hệ thống chính trị	16.1. Chi bộ thôn được đánh giá xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên	Đạt
		16.2. Các tổ chức chính trị - xã hội của thôn đạt danh hiệu "tiên tiến hoặc tương đương" trở lên	Đạt